

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định
Quản trị tài sản trí tuệ trong Trường Đại học Kinh tế - Luật
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-LUẬT

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế-Luật thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 5 tháng 4 năm 2010 của Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên trong Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 84/QĐ-ĐHQG ngày 06 tháng 02 năm 2015 của Giám đốc Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh ban hành Quy chế quản trị tài sản trí tuệ trong Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định Quản trị tài sản trí tuệ trong Trường Đại học Kinh tế - Luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Phòng chức năng, các Khoa/ Bộ môn/ Trung tâm, các đơn vị của Trường Đại học Kinh tế - Luật và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TC-HC, QLKH.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dũng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2019

QUY ĐỊNH

QUẢN TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

(Ban hành theo Quyết định số 1310/QĐ-ĐHKTL ngày 31 tháng 10 năm 2019

của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Cơ sở pháp lý

1. Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005.
2. Luật Sở hữu trí tuệ số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005.
3. Luật chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.
4. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019.
5. Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2013.
6. Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BKHCN ngày 18 tháng 01 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật SHTT về bảo vệ quyền SHTT và quản lý nhà nước về SHTT bao gồm Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; được sửa đổi, bổ sung bởi (1) Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018.
7. Nghị định số 22/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật SHTT năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan.
8. Nghị định số 76/2018/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển giao công nghệ.
9. Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.
10. Quyết định số 84/QĐ-ĐHQG ngày 06 tháng 02 năm 2015 của Giám đốc Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh ban hành Quy chế quản trị tài sản trí tuệ trong Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
11. Quyết định số 656/QĐ-ĐHKTL ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng chức năng và đơn vị phục vụ thuộc Trường.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về quản trị tài sản trí tuệ (TSTT) tại Trường Đại học Kinh tế - Luật và các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật bao gồm xác định tác giả, chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ (SHTT), quyền và nghĩa vụ của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; tổ chức quản lý và khai thác các tài sản trí tuệ, phân chia lợi ích từ việc khai thác các tài sản trí tuệ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Các sáng kiến, quy trình nghiệp vụ nội bộ, văn bản hành chính và các sáng tạo khác không phải là đối tượng quyền SHTT không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

2. Đối tượng áp dụng

Văn bản này áp dụng đối với Khoa/ Bộ môn, Phòng/Ban/Trung tâm trực thuộc trường (đơn vị/ tổ chức trực thuộc), cá nhân các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, viên chức (CB-VC), nhân viên thời vụ và người học (bao gồm sinh viên của chương trình đào tạo đại học, học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ, nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ; sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh của các chương trình liên kết; học viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, thực hành, thực tập) tại Trường Đại học Kinh tế - Luật.

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài trường có mối quan hệ với Trường Đại học Kinh tế - Luật liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

Điều 3. Mục tiêu quản trị tài sản trí tuệ

Quản trị tài sản trí tuệ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật nhằm khuyến khích hoạt động tạo lập, xác lập quyền, bảo vệ quyền, thúc đẩy quá trình khai thác, chuyển giao công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ tài sản trí tuệ được tạo ra trong hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của cá nhân các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, người học và các đơn vị thuộc quyền quản lý của Trường Đại học Kinh tế - Luật, tạo nguồn thu bổ sung để phát triển Trường Đại học Kinh tế - Luật, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong phạm vi điều chỉnh của Quy định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài sản trí tuệ là kết quả của lao động trí tuệ phát sinh từ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của các tổ chức, cá nhân thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ bao gồm các quyền sở hữu trí tuệ, đối tượng quyền sở hữu trí tuệ và các sản phẩm trí tuệ khác theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và Bộ luật dân sự 2015 được cụ thể hóa trong khoản 2 điều này.
2. Tài sản trí tuệ nói trong văn bản này là các dạng sản phẩm hữu hình và vô hình bao gồm:
 - Tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, sách, giáo trình, bài giảng, bài báo được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác; Tác phẩm phái sinh nếu không gây phương hại đến quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh; cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.
 - Kết quả các công trình nghiên cứu khoa học (NCKH) (chương trình, dự án, đề tài KH&CN các cấp, ...); Tiến bộ kỹ thuật được cấp có thẩm quyền công nhận cho phép ứng dụng tại các địa bàn sản xuất.

- Cơ sở dữ liệu, chương trình máy tính, tài liệu kỹ thuật và các tài sản khác (giải pháp hữu ích và cả những ý tưởng có khả năng tạo ra sản phẩm hữu hình đáng giá); Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, công trình khoa học.
 - Các sáng chế, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hoá sản xuất.
 - Quy trình công nghệ, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý.
 - Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp, giấy chứng nhận bản quyền tác giả.
3. Quản trị tài sản trí tuệ là việc chủ sở hữu tài sản trí tuệ thực hiện các biện pháp quản trị đối với tài sản trí tuệ nhằm tạo lập, xác lập quyền, khai thác, gìn giữ, bảo vệ và phát triển giá trị của tài sản trí tuệ đó.
 4. Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.
 5. Tác giả là người trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học. Trường hợp có nhiều người cùng tham gia sáng tạo tác phẩm thì tất cả những người này đều được thừa nhận là đồng tác giả của tác phẩm. Tổ chức, cá nhân làm công việc hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác tạo ra tác phẩm không được công nhận là tác giả.
 6. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ là tác giả, chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu giao một phần hoặc toàn bộ quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm khoa học, văn học và nghệ thuật.
 7. Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.
 8. Quyền liên quan đến quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.
 9. Quyền sở hữu công nghiệp là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng kiến, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do tổ chức, cá nhân sáng tạo hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.
 10. Quyền nhân thân bao gồm các quyền sau đây:
 - Đặt tên cho tác phẩm;
 - Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;
 - Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;
 - Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.
 11. Quyền tài sản bao gồm các quyền sau đây:
 - Làm tác phẩm phái sinh;
 - Biểu diễn tác phẩm trước công chúng;

- Sao chép tác phẩm;
 - Phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm;
 - Truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác;
 - Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính.
12. Tác phẩm là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học được thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.
 13. Tác phẩm gốc là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học được xác lập lần đầu thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào
 14. Tác phẩm phái sinh là tác phẩm được sáng tạo dựa trên tác phẩm đã có bao gồm: tác phẩm dịch thuật, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn.
 15. Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố là tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã được phát hành với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan để phổ biến đến công chúng với một số lượng bản sao hợp lý.
 16. Sao chép là việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao của tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.
 17. Phát sóng là việc truyền âm thanh và/ hoặc hình ảnh của tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình đến công chúng bằng phương tiện vô tuyến để công chúng có thể tiếp nhận được tại thời gian và địa điểm do chính họ lựa chọn.
 18. Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng ứng dụng các quy luật tự nhiên.
 19. Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc kết hợp của những yếu tố này.
 20. Chương trình máy tính là tập hợp các chỉ dẫn được thể hiện dưới dạng các lệnh, các mã, lược đồ hoặc bất kỳ dạng thức nào khác khi gắn vào một phương tiện mà máy tính đọc được, có khả năng làm cho máy tính thực hiện được một công việc hoặc đạt được một kết quả cụ thể.
 21. Su tập dữ liệu là tập hợp có tính sáng tạo thể hiện ở việc tuyển chọn, sắp xếp các tư liệu dưới dạng điện tử hoặc dạng khác.
 22. Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.
 23. Tên thương mại là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh.
 24. Văn bằng bảo hộ là văn bằng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý.
 25. Chuyển giao TSTT là chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc chuyển giao quyền sử dụng đối với một tài sản trí tuệ cụ thể.

26. Hoạt động công vụ là bất kỳ hoạt động nào do cán bộ, viên chức hoặc nhân viên hợp đồng (dài hạn, ngắn hạn, khoán) thực hiện theo nhiệm vụ được giao và/hoặc chủ yếu bằng các nguồn lực của Trường Đại học Kinh tế - Luật.
27. Nhiệm vụ được giao là nhiệm vụ được xác định theo chức danh của CB-VC, nhân viên thời vụ và người học trong các quy định liên quan về tổ chức và bộ máy của Trường Đại học Kinh tế - Luật, hoặc xác định trong hợp đồng liên quan tới nhân viên hợp đồng, hoặc theo một mệnh lệnh của cấp trên trực tiếp quản lý giao phó.
- Quyết định giao đề tài nghiên cứu khoa học, khoa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án hoặc các quyết định tương tự được hiểu là quyết định giao nhiệm vụ.
28. Phương tiện vật chất kỹ thuật của nhà nước bao gồm nhưng không giới hạn ở mặt bằng, nhà xưởng, máy móc, thiết bị thử nghiệm, phân tích và đo lường được đầu tư bằng ngân sách nhà nước.
29. Sử dụng đáng kể phương tiện vật chất kỹ thuật là khi mà việc tiếp cận và sử dụng các phương tiện vật chất kỹ thuật đó là không hiển nhiên đối với tổ chức, cá nhân tương ứng với chức năng, nhiệm vụ và vị trí công tác của mình.
30. Nguồn lực của Trường Đại học Kinh tế - Luật: được hiểu là bao gồm nhưng không giới hạn ở thời gian làm việc tại Trường Đại học Kinh tế - Luật, nguồn lực tài chính của Trường Đại học Kinh tế - Luật hay nguồn tài chính đầu tư thông qua Trường Đại học Kinh tế - Luật, các cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật của Trường Đại học Kinh tế - Luật, nguồn lực thông tin, tư liệu, dữ liệu, dữ kiện của Trường Đại học Kinh tế - Luật.
31. Thư viện là nơi lưu trữ tài liệu phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của các đơn vị trực thuộc trường Đại học Kinh tế - Luật bao gồm cả cơ sở dữ liệu điện tử.

Điều 5. Quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - Luật

Các quyền sở hữu trí tuệ phát sinh trong quá trình hoạt động của trường Đại học Kinh tế - Luật bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền sau:

1. Quyền tác giả đối với giáo trình; tài liệu giảng dạy, bài giảng; sách chuyên khảo, tham khảo, báo cáo khoa học; công trình nghiên cứu (đề tài nghiên cứu khoa học, khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ); bài báo khoa học, chương trình máy tính, bộ sưu tập dữ liệu v.v.v.
2. Quyền liên quan đến quyền tác giả, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá đối với các chương trình hoạt động của trường Đại học Kinh tế Luật tự thực hiện hoặc giao kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân khác thực hiện.
3. Quyền sở hữu trí tuệ đối với các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Các nội dung của quản trị tài sản trí tuệ

Quản trị tài sản trí tuệ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật được triển khai qua các nội dung cụ thể như sau:

1. Xây dựng và ban hành chiến lược phát triển tài sản trí tuệ của đơn vị; Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chính sách, pháp luật quốc gia, quốc tế về sở hữu trí tuệ.
2. Quy định cụ thể về quản trị tài sản trí tuệ, bảo mật và các vấn đề khác có liên quan.
3. Tổ chức – điều phối hoạt động quản trị tài sản trí tuệ trong Trường Đại học Kinh tế - Luật, bao gồm:

- Tổ chức và quản lý hoạt động của bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ.
 - Tư vấn, hỗ trợ việc xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với tài sản trí tuệ của trường Đại học Kinh tế - Luật.
 - Thông báo, ghi nhận và xác lập quyền tài sản trí tuệ.
 - Thực thi quyền đăng ký và quyền sở hữu phát sinh đối với các tài sản trí tuệ.
 - Quản lý, khai thác thương mại các tài sản trí tuệ.
 - Sử dụng nguồn thu từ hoạt động khai thác thương mại tài sản trí tuệ.
 - Tổ chức tiếp nhận, khai báo, đánh giá khả năng bảo hộ và tiềm năng thương mại tài sản trí tuệ của cá nhân và đơn vị trong Nhà trường.
4. Phân tích đánh giá thị trường thương mại tiềm năng; tổ chức ký kết chuyển giao tài sản trí tuệ; Xây dựng chính sách và các chương trình hỗ trợ phát triển hoạt động sáng tạo nhằm tạo ra tài sản trí tuệ trong Nhà trường.
 5. Thực hiện chuyển giao, ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học nhằm tạo ra tri thức mới, công nghệ và giải pháp mới.
 6. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy định quản trị tài sản trí tuệ của Trường Đại học Kinh tế - Luật, pháp luật sở hữu trí tuệ của Nhà nước.
 7. Giải quyết tranh chấp, khen thưởng và xử lý vi phạm liên quan đến quản trị tài sản trí tuệ.

Chương II

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 7. Chiến lược phát triển tài sản trí tuệ

1. Trường Đại học Kinh tế - Luật tổ chức xây dựng và ban hành chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn, kế hoạch hàng năm về hoạt động quản trị tài sản trí tuệ của Nhà trường phù hợp với chủ trương, chính sách của cơ quan chủ quản và địa phương về phát triển, đổi mới cơ chế hoạt động quản trị tài sản trí tuệ nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động tạo lập, xác lập quyền, bảo vệ quyền và khai thác thương mại tài sản trí tuệ tại Trường.
2. Nhà trường tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm về hoạt động quản trị tài sản trí tuệ của đơn vị và báo cáo Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh để đưa vào kế hoạch hoạt động chung đồng thời tham gia vào công tác xây dựng và ban hành chiến lược hoạt động quản trị tài sản trí tuệ của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

Điều 8. Kế hoạch quản trị tài sản trí tuệ

1. Trường Đại học Kinh tế - Luật xây dựng và ban hành quy định về quản trị tài sản trí tuệ của Nhà trường; Ban hành và hướng dẫn việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Trường Đại học Kinh tế - Luật; Quản lý tài sản trí tuệ theo luật sở hữu trí tuệ, sở hữu các kết quả của chương trình, đề tài/dự án (cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh) đã được phân cấp là cơ quan chủ trì hoặc chủ quản và làm đầu mối cho thị trường khoa học và công nghệ.
2. Trường Đại học Kinh tế - Luật xây dựng và ban hành quy định về quản trị tài sản trí tuệ và hướng dẫn việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở trường Đại học Kinh tế - Luật phù hợp với quy định của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh; Khai thác quyền sở hữu và tài sản trí tuệ theo các lĩnh vực được giao nghiên cứu, quyền sở hữu các kết quả nghiên cứu các

đề tài cấp trường và cấp khác do trường đầu tư nghiên cứu và đóng vai trò cơ quan chủ quản/chủ trì.

Điều 9. Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ

1. Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật trực thuộc Phòng Thanh tra – Pháp chế.
2. Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ phối hợp với Phòng Quản lý khoa học, Phòng Đào tạo, Phòng Sau Đại học, Thư viện và các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ quản trị tài sản trí tuệ của trường Đại học Kinh tế - Luật.
3. Bộ phận chuyên trách có chức năng giúp Hiệu trưởng quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ và thực hiện các nhiệm vụ sau đây:
 - Xây dựng và tham mưu ban hành chiến lược phát triển tài sản trí tuệ, quy định quản trị tài sản trí tuệ và quy định bảo mật của trường Đại học Kinh tế - Luật.
 - Xây dựng các quy trình, thủ tục, biểu mẫu phục vụ hoạt động quản trị tài sản trí tuệ.
 - Phát hiện, ghi nhận, thực hiện thủ tục xác lập quyền đối với các tài sản trí tuệ; lưu giữ bản gốc, văn bằng bảo hộ tài sản trí tuệ thuộc sở hữu của trường Đại học Kinh tế - Luật.
 - Quản lý danh mục, định giá và khai thác thương mại các tài sản trí tuệ.
 - Tham mưu cho Hiệu trưởng các thủ tục pháp lý liên quan đến bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.
 - Thống kê, báo cáo hoạt động quản trị tài sản trí tuệ.
 - Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Quy định quản trị tài sản trí tuệ của Trường Đại học Kinh tế - Luật, Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh và pháp luật sở hữu trí tuệ của nhà nước.
 - Xây dựng văn hóa, phổ biến và cập nhật kiến thức về sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Trường trên cơ sở các văn bản, quy định chung của Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
 - Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan do Hiệu trưởng giao.
4. Người đứng đầu bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ phải có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị tài sản trí tuệ hoặc được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về quản trị tài sản trí tuệ do Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh chỉ định.
5. Hiệu trưởng có trách nhiệm bố trí nhân sự, tài chính, cơ sở vật chất, phương tiện đảm bảo hoạt động của bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ.

Điều 10. Thông báo, phát hiện, ghi nhận tài sản trí tuệ

1. Các tổ chức, cá nhân (cán bộ, giảng viên, người học) có liên quan có trách nhiệm thông báo kịp thời các tài sản trí tuệ do mình trực tiếp tạo ra trong khuôn khổ các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ không kể nguồn lực sử dụng để tạo lập các tài sản trí tuệ đó cho Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ của Trường.
2. Thông báo nêu tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh và Trung tâm SHTT&CGCN ĐHQG HCM đối với các tài sản trí tuệ được tạo lập trên cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước cấp thông qua ĐHQG HCM và do Giám đốc

ĐHQG HCM quyết định phê duyệt hoặc trên cơ sở sử dụng tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của ĐHQG HCM.

3. Thông báo nêu tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ của Trường Đại học Kinh tế - Luật đối với các tài sản trí tuệ được tạo lập trên cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước cấp không thông qua ĐHQG HCM và không phải do Giám đốc ĐHQG HCM quyết định phê duyệt, ngân sách tự chủ của trường, sử dụng đáng kể phương tiện vật chất kỹ thuật của nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của trường, ngân sách tài trợ của các tổ chức, cá nhân không thuộc ĐHQG HCM và các nguồn lực khác hoặc trên cơ sở sử dụng tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường Đại học Kinh tế - Luật.
4. Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ của Trường Đại học Kinh tế - Luật có trách nhiệm thường xuyên theo dõi các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân liên quan nhằm kịp thời phát hiện, ghi nhận và thực hiện việc xác lập quyền đối với các tài sản trí tuệ được tạo lập.

Điều 11. Xác lập quyền đối với tài sản trí tuệ

1. Quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ được xác định tương ứng với tỷ lệ đóng góp nguồn lực để tạo ra tài sản trí tuệ, nếu các bên không có các thỏa thuận khác.
2. Quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ là cơ sở để xác định tỷ lệ phân chia lợi ích từ hoạt động khai thác thương mại tài sản trí tuệ đó.
3. Việc xác định quyền sở hữu đối với các kết quả nghiên cứu từ các đề tài, chương trình, dự án có kinh phí ngoài ngân sách nhà nước được quy định tại Điều 13.

Điều 12. Quyền của tác giả và đồng tác giả

1. Một cá nhân được ghi nhận là tác giả hoặc đồng tác giả của một TSTT nếu có tham gia vào việc sáng tạo ra TSTT tương ứng. Được xem là “có tham gia vào việc sáng tạo” khi phần việc do người đó thực hiện không nảy sinh một cách hiển nhiên hoặc dễ dàng đối với các thành viên tham gia thực hiện đề tài, dự án, công trình, khâu công việc mà từ đó TSTT liên quan được tạo ra.
2. Các tác giả hoặc đồng tác giả của TSTT được hưởng các quyền nhân thân theo quy định tương ứng của Luật SHTT, pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan; trừ khi có quy định phải chuyển giao một quyền nhân thân nào đó cho các chủ thể khác theo các quy định tại Quy chế này hoặc theo hợp đồng liên quan mà họ đã giao kết, trong phạm vi pháp luật cho phép.
3. Trong trường hợp tài sản trí tuệ được tạo ra bởi nhiều đồng tác giả, danh sách tên các đồng tác giả và tỉ lệ đóng góp của từng tác giả sẽ do nhóm tác giả tự thỏa thuận.
4. Tác giả hoặc đồng tác giả được trả nhuận bút, thù lao hoặc các quyền lợi vật chất khác theo qui định của pháp luật SHTT, ngoại trừ trường hợp các bên liên quan có thỏa thuận khác.
5. Quyền được nhận nhuận bút, thù lao hoặc các quyền lợi vật chất khác của tác giả, đồng tác giả tồn tại trong suốt thời hạn bảo hộ của tài sản trí tuệ là quyền SHTT hoặc theo thỏa thuận đối với các tài sản trí tuệ khác, trừ trường hợp tài sản trí tuệ đó được chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác.

6. ĐHQG HCM và Trường Đại học Kinh tế - Luật thỏa thuận bằng văn bản với tác giả, đồng tác giả về các quyền nhân thân nhằm tạo thuận lợi trong việc khai thác thương mại các tài sản trí tuệ là đối tượng của quyền tác giả, quyền liên quan.

Điều 13. Quyền đăng ký, quyền sở hữu và quyền sử dụng

1. Trường Đại học Kinh tế - Luật có quyền đăng ký và quyền sở hữu phát sinh đối với các TSTT được tạo lập trên cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước cấp thông qua Trường Đại học Kinh tế - Luật và do Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Luật quyết định phê duyệt.
2. Trường Đại học Kinh tế - Luật có phần quyền đăng ký và phần quyền sở hữu phát sinh đối với các TSTT được tạo lập trên cơ sở sử dụng một phần ngân sách nhà nước cấp thông qua Trường Đại học Kinh tế - Luật và do Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Luật quyết định phê duyệt hoặc trên cơ sở sử dụng TSTT thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của trường Đại học Kinh tế - Luật trong khuôn khổ hợp tác với các đối tác là tổ chức, cá nhân không thuộc Trường. Trường Bộ phận chuyên trách quản trị TSTT chịu trách nhiệm đàm phán với các đối tác và trình Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Luật quyết định về tỷ lệ phần quyền đăng ký và phần quyền sở hữu phát sinh tương ứng với phần ngân sách nhà nước cấp hoặc giá trị của TSTT sử dụng thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của trường Đại học Kinh tế - Luật.
3. Tỷ lệ phân chia quyền sở hữu phát sinh đối với các TSTT nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được quy định như sau, ngoại trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác:
 - a) Đối với TSTT được tạo lập từ đề tài sử dụng kinh phí cấp qua ĐHQG HCM, do ĐHQG HCM trực tiếp tổ chức thẩm định và quản lý hoặc ủy quyền cho Trường Đại học Kinh tế - Luật chủ trì đề tài chịu trách nhiệm quản lý (tạm gọi là Đề tài ĐHQG HCM loại A): ĐHQG HCM sở hữu 60%, Trường Đại học Kinh tế - Luật sở hữu 40%;
 - b) Đối với TSTT được tạo lập từ đề tài sử dụng kinh phí cấp qua ĐHQG HCM, do ĐHQG HCM tổ chức thẩm định và ủy quyền cho Trường Đại học Kinh tế - Luật chủ trì đề tài chịu trách nhiệm quản lý (tạm gọi là Đề tài ĐHQG HCM loại B): ĐHQG HCM sở hữu 50%, Trường Đại học Kinh tế - Luật sở hữu 50%;
 - c) Đối với TSTT được tạo lập từ đề tài sử dụng kinh phí cấp qua ĐHQG HCM, do ĐHQG HCM ủy quyền cho Trường Đại học Kinh tế - Luật chủ trì đề tài chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định và quản lý (tạm gọi là Đề tài ĐHQG HCM loại C): ĐHQG HCM sở hữu 30%, Trường Đại học Kinh tế - Luật sở hữu 70%;
 - d) Đối với TSTT được tạo lập từ đề tài sử dụng kinh phí cấp từ nguồn kinh phí tự chủ của Trường Đại học Kinh tế - Luật và một phần từ nguồn kinh phí của ĐHQG HCM, do Trường Đại học Kinh tế - Luật chủ trì đề tài chịu trách nhiệm quản lý (tạm gọi là Đề tài cấp cơ sở): Trường Đại học Kinh tế - Luật sở hữu 100%.
4. Quyền đăng ký và quyền sở hữu phát sinh đối với các TSTT được tạo lập trên cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước cấp cho Trường Đại học Kinh tế - Luật không thông qua ĐHQG HCM được xác định theo thỏa thuận bằng hợp đồng giữa Trường Đại học Kinh tế - Luật với cơ quan Nhà nước trực tiếp quản lý nguồn ngân sách đó.

5. Trường Đại học Kinh tế - Luật sở hữu quyền đăng ký và quyền sở hữu phát sinh đối với các TSTT được tạo lập trên cơ sở sử dụng các nguồn ngân sách tài trợ của các đối tác là tổ chức, cá nhân không thuộc ĐHQG HCM, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
6. Trường Đại học Kinh tế - Luật sở hữu phần quyền đăng ký và phần quyền sở hữu phát sinh đối với các TSTT được tạo lập trên cơ sở có sử dụng đáng kể phương tiện vật chất kỹ thuật của nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của trường trong khuôn khổ hợp tác với các đối tác là tổ chức, cá nhân không thuộc ĐHQG HCM. Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật được quyền đàm phán với các đối tác và quyết định về tỉ lệ phần quyền đăng ký và phần quyền sở hữu phát sinh tương ứng với việc sử dụng các phương tiện vật chất kỹ thuật của nhà nước.
7. Trường Đại học Kinh tế - Luật sở hữu quyền đăng ký và quyền sở hữu phát sinh đối với các TSTT tạo ra trong quá trình thực hiện luận văn, luận án hoặc các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được trường tài trợ kinh phí hoặc có sử dụng đáng kể phương tiện vật chất kỹ thuật của nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của trường. Người học được hưởng quyền của tác giả theo qui định của pháp luật SHTT nếu người hướng dẫn và người học không có thỏa thuận khác.
8. Trường Đại học Kinh tế - Luật có quyền chuyển nhượng quyền đăng ký hoặc phần đăng ký thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của trường với các điều kiện thương mại hợp lý.
9. Tên chủ sở hữu ghi trên văn bằng bảo hộ đối với các TSTT thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường Đại học Kinh tế - Luật phải được ghi như sau: “Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh”.

Điều 14. Thực hiện xác lập quyền đối với tài sản trí tuệ

1. Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ của Trường Đại học Kinh tế - Luật là đầu mối tổ chức và thực hiện việc xác lập quyền đối với tất cả các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Nhà trường.
2. Đối với tài sản trí tuệ tự xác lập quyền sở hữu hoặc không cần đăng ký xác lập quyền sở hữu (bí mật kinh doanh, tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình và các đối tượng khác) khi đáp ứng các điều kiện luật định, bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ tiến hành lưu giữ và bảo vệ các chứng cứ về việc phát sinh quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ này.
3. Đối với tài sản trí tuệ phải xác lập quyền sở hữu theo cơ chế đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hoặc đối với tài sản trí tuệ (tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình và các đối tượng khác) có thể đăng ký để giảm thiểu nghĩa vụ chứng minh quyền, bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ tiến hành thực hiện việc đăng ký theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ.
4. Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ có trách nhiệm lưu chứng từ bản gốc, bản định hình đầu tiên đối với các tài sản trí tuệ là đối tượng của quyền tác giả, quyền liên quan. Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ có trách nhiệm lập danh sách, trình Hiệu trưởng quyết định và thực hiện thủ tục đăng ký xác nhận quyền đối với các TSTT là đối tượng của quyền tác giả, quyền liên quan có nguy cơ tranh chấp quyền cao.

5. Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ thực hiện các biện pháp bảo mật theo qui định quản trị TSTT hoặc qui định bảo mật của trường đối với các TSTT được lựa chọn bảo hộ dưới dạng bí mật kinh doanh, bảo đảm điều kiện bảo hộ của Luật SHTT.
6. Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ chịu trách nhiệm thỏa thuận và trình Hiệu trưởng quyết định về đại diện thực hiện thủ tục đăng ký xác lập quyền đối với các đối tượng quyền SHTT mà trường đồng sở hữu quyền đăng ký với tổ chức, cá nhân không thuộc ĐHQG HCM.
7. Cá nhân là tác giả, đồng tác giả của các TSTT thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường Đại học Kinh tế - Luật có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ kịp thời Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ của trường trong hoạt động xác lập quyền đối với các tài sản đó.

Điều 15. Chi phí thực hiện thủ tục xác lập quyền, chi phí gia hạn hiệu lực quyền, chi phí thực hiện bảo mật đối với tài sản trí tuệ

1. Chi phí thực hiện thủ tục xác lập quyền, chi phí gia hạn hiệu lực quyền, chi phí thực hiện bảo mật đối với tài sản trí tuệ được thực hiện như sau:
 - a) Trường hợp các chi phí này đã được dự toán thành khoản mục riêng trong dự toán kinh phí đề tài, dự án khoa học và công nghệ được duyệt thì chi theo mức dự toán đó.
 - b) Trường hợp các chi phí thực tế lớn hơn mức dự toán được duyệt thì được trích bổ sung từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học đã được cấp theo kế hoạch năm.
 - c) Trường hợp các chi phí này không được dự toán thành khoản mục riêng trong dự toán kinh phí đề tài, dự án khoa học và công nghệ được duyệt thì chi phí được trích bổ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học đã được cấp theo kế hoạch năm.
2. Chi phí điểm b và điểm c, khoản 1, Điều này được phân chia theo tỉ lệ tương ứng với phần quyền đăng ký thuộc về ĐHQG HCM, hoặc Trường Đại học Kinh tế - Luật và được thực hiện theo qui định tại khoản 3, Điều 13.
3. Trường Đại học Kinh tế - Luật có trách nhiệm lập kế hoạch ngân sách cho việc đăng ký xác lập quyền, gia hạn hiệu lực quyền và thực hiện bảo mật đối với tài sản trí tuệ được ghi nhận theo qui định tại Điều 10 trình Giám đốc ĐHQG HCM phê duyệt.
4. Trường bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ trình Hiệu trưởng quyết định việc bổ sung kinh phí nêu tại điểm b và điểm c, khoản 1, Điều này đối với các TSTT thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của trường và được thực hiện theo khoản 3, Điều 13.
5. Trường Đại học Kinh tế - Luật và Trung tâm SHTT&CGCN-ĐHQH HCM có trách nhiệm lập báo cáo khả thi về các phương án khai thác thương mại đối với các TSTT cần được thực hiện thủ tục đăng ký xác lập quyền quốc tế trình Giám đốc ĐHQG HCM phê duyệt.

Điều 16. Bảo mật thông tin

1. Tổ chức, cá nhân, đặc biệt là nhân viên của bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến các tài sản trí tuệ được tạo lập trong hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ nhằm đảm bảo không làm ảnh hưởng đến các điều kiện xác lập quyền và khai thác thương mại của các tài sản trí tuệ đó; tổ chức, cá nhân làm tiết lộ thông tin gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm bồi thường theo qui định của pháp luật.
2. Quy trình, thủ tục bảo mật thông tin được thực hiện theo qui định của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

Điều 17. Quyền công bố đối với tài sản trí tuệ

1. Việc công bố tài sản trí tuệ thực hiện theo nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến khả năng thương mại tài sản trí tuệ của chủ sở hữu.
2. Tài sản trí tuệ của đề tài nghiên cứu, công trình khoa học nào do Trường Đại học Kinh tế - Luật quản lý chủ trì thì Nhà trường có quyền công bố đối với tài sản trí tuệ đó, trừ trường hợp các bên tham gia đóng góp nguồn lực có thoả thuận khác. Đối với tài sản trí tuệ là kết quả các công trình nghiên cứu khoa học (chương trình, dự án, đề tài KH&CN cấp Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, cấp Bộ, cấp Nhà nước) do Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh phân cấp là cơ quan chủ trì hoặc chủ quản thì quyền công bố thuộc về Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
3. Trường ĐH KTL được quyền công bố đối với các TSTT do mình là đồng chủ SH nếu được các đồng CSH còn lại đồng ý.
4. Trong trường hợp Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh hoặc Trường Đại học Kinh tế - Luật không thực hiện việc công bố trong một thời gian hợp lý do Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh hoặc Trường Đại học Kinh tế - Luật quy định mà không có lý do thoả đáng thì quyền công bố thuộc về tác giả tạo ra tài sản trí tuệ.

Điều 18. Quản lý, khai thác thương mại các tài sản trí tuệ

1. Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ của Trường Đại học Kinh tế - Luật có trách nhiệm:
 - a) Lập danh mục tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu, đồng sở hữu của Trường và các tài sản trí tuệ được tạo ra trong các hoạt động hợp tác với các đối tác khác, không thuộc sở hữu của Trường nhưng có ưu quyền trong chuyển giao các tài sản này.
 - b) Định kỳ hàng năm, bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ trình Hiệu trưởng quyết định phương án khai thác thương mại và ước định giá trị các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường; tham mưu và thực hiện thủ tục duy trì hiệu lực đối với các văn bằng bảo hộ được đánh giá còn giá trị khai thác thương mại theo các nội dung sau:
 - Phân loại, đánh giá khả năng thương mại hoá các tài sản trí tuệ.
 - Xác định các yếu tố tác động và lập danh sách các đối tác tiềm năng có nhu cầu sử dụng tài sản trí tuệ.
 - Xác lập và đánh giá hình thức khai thác thương mại.
 - Xác định các biện pháp hỗ trợ và cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia quá trình thương mại hoá tài sản trí tuệ.Hiệu trưởng thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá, tư vấn về quyết định không thực hiện thủ tục duy trì hiệu lực đối với các tài sản trí tuệ thuộc sở hữu của Trường.
 - c) Tổ chức triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường.
 - d) Tham mưu cho Hiệu trưởng ký kết các hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng, hợp đồng chuyển nhượng quyền, hợp đồng liên doanh, góp vốn bằng tài sản trí tuệ, hợp đồng hợp tác nghiên cứu và các hợp đồng liên quan khác.

- e) Tham mưu cho Hiệu trưởng về việc thành lập các tổ chức ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp để thúc đẩy khai thác thương mại các tài sản trí tuệ.
- 2. Hiệu trưởng có trách nhiệm xây dựng chính sách và biện pháp cụ thể nhằm khai thác tối đa khả năng thương mại các tài sản trí tuệ của Nhà trường theo các nguyên tắc:
 - a) Ưu tiên chuyển giao cho các đồng sở hữu và các bên đã cùng tham gia vào quá trình tạo ra tài sản trí tuệ.
 - b) Dành một tỷ lệ thích hợp của thu nhập từ hoạt động thương mại tài sản trí tuệ để phát triển hoạt động sáng tạo trong Nhà trường.
- 3. Cá nhân là tác giả, đồng tác giả của các tài sản trí tuệ thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường Đại học Kinh tế - Luật có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ kịp thời bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ của Trường trong hoạt động khai thác thương mại các tài sản trí tuệ do mình tạo ra.

Trường Đại học Kinh tế - Luật có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để tác giả có thể triển khai ứng dụng hoặc thương mại hoá sản phẩm trí tuệ của mình.

Điều 19. Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ

- 1. Tác giả không phải là chủ sở hữu, không được quyền chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ dưới bất cứ hình thức nào.
- 2. Việc chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ là quyền của chủ sở hữu theo các quy định của Luật sở hữu trí tuệ.

Điều 20. Quy trình và thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ

Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ của Nhà trường có trách nhiệm xây dựng quy trình và thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận sở hữu trí tuệ và hướng dẫn thực hiện cho cán bộ, viên chức và người học thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật theo qui định của pháp luật hiện hành về sở hữu trí tuệ.

Điều 21. Giải quyết tranh chấp về sở hữu trí tuệ

- 1. Các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ được khuyến khích giải quyết trên cơ sở thương lượng, hòa giải.
- 2. Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ của Trường Đại học Kinh tế - Luật là đầu mối tổ chức thương lượng, hòa giải các tranh chấp thuộc Trường.
- 3. Trường hợp tổ chức thương lượng, hòa giải không thành, bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ đề xuất cho Hiệu trưởng hướng xử lý theo qui định của pháp luật.

Điều 22. Tài chính cho hoạt động sở hữu trí tuệ

Trường Đại học Kinh tế - Luật xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm cho hoạt động sở hữu trí tuệ phù hợp với kế hoạch khoa học và công nghệ của Nhà trường. Nguồn tài chính cho hoạt động sở hữu trí tuệ bao gồm:

- 1. Vốn cấp từ ngân sách Nhà nước cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
- 2. Vốn tài trợ, vốn vay từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ.
- 3. Vốn trích từ nguồn thu thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- 4. Vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- 5. Vốn trích từ các nguồn thu hợp pháp của đơn vị.

Điều 23. Ươm tạo và phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Trường Đại học Kinh tế - Luật cung cấp các kết quả nghiên cứu và sản phẩm khoa học - công nghệ cho Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh để phát triển chương trình ươm tạo và thị trường khoa học và công nghệ; Đăng kí kết quả ươm tạo và chuyển giao qua các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 24. Hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

Trường Đại học Kinh tế - Luật tổ chức hoặc tham gia thực hiện chuyển giao, ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học cho doanh nghiệp, địa phương; Tổ chức hoặc tham gia hợp tác nghiên cứu với các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp, địa phương và các tổ chức khác ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin khoa học và công nghệ

Trường Đại học Kinh tế - Luật tham gia xây dựng hệ thống thông tin - thư viện và cơ sở dữ liệu khoa học sử dụng chung của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh; tham gia quản lý, cung cấp các nguồn thông tin khoa học và công nghệ cho Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh; khai thác và sử dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao cho nghiên cứu, giảng dạy, sản xuất và đời sống theo luật Chuyển giao khoa học và công nghệ; công bố các kết quả nghiên cứu và lưu trữ.

Chương III

QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 26. Trường Đại học Kinh tế - Luật là chủ sở hữu đối với các tài sản trí tuệ sau đây:

1. Được tạo ra bởi CB-VC hoặc nhân viên thời vụ theo yêu cầu của công việc/nhiệm vụ được giao được quy định chi tiết, ví dụ, trong bản mô tả công việc hay trong hợp đồng lao động. Những quy định chi tiết này sẽ xác định nhiệm vụ được giao của CB-VC hoặc nhân viên thời vụ một cách toàn diện hay một cách hạn chế bởi những điều khoản áp dụng đối với một công trình có bản quyền nào đó.
2. Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng do Trường Đại học Kinh tế - Luật đặt hàng hay ký kết với các tổ chức, cá nhân trong hoặc ngoài Trường Đại học Kinh tế - Luật, trừ khi hợp đồng liên quan có quy định khác.
3. Được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa Trường Đại học Kinh tế - Luật với một hoặc một số đối tác khác, trong đó có quy định các TSTT phát sinh là thuộc về Trường Đại học Kinh tế - Luật.
4. Khi các cơ quan chủ quản là đơn vị cấp kinh phí cho các đề tài, dự án KH & CN cho Trường Đại học Kinh tế - Luật từ nguồn ngân sách nhà nước và các cơ quan chủ quản chỉ định, phân cấp hoặc chuyển giao cho Trường Đại học Kinh tế - Luật đứng tên "Cơ quan Chủ trì hay chủ quản" trong đề tài/dự án.
5. Được tạo ra từ các hoạt động nghiên cứu khoa học có sử dụng kinh phí của Trường hoặc kinh phí do các tổ chức, cá nhân tài trợ cho Trường bao gồm hoạt động nghiên cứu khoa học của CB-VC và của người học, trừ trường hợp có qui định khác.
6. Được các chủ thể khác chuyển nhượng hoặc biếu, tặng cho Trường Đại học Kinh tế - Luật.

Điều 27. Trường Đại học Kinh tế - Luật là đồng sở hữu đối với các tài sản trí tuệ sau đây:

1. Được tạo ra bởi CB-VC, người học hoặc nhân viên thời vụ (theo yêu cầu của công việc) được quy định cụ thể trong hợp đồng lao động hoặc không theo nhiệm vụ được giao nhưng chủ yếu sử dụng nguồn lực của Trường Đại học Kinh tế - Luật và các đơn vị trực thuộc trong việc tạo ra TSTT, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.
2. Được tạo ra bởi CB-VC, người học hoặc nhân viên thời vụ không theo nhiệm vụ được giao và không sử dụng nguồn lực của Trường Đại học Kinh tế - Luật, nhưng xuất phát từ một hoặc một số tài sản trí tuệ thuộc danh mục thông tin mật hay bí mật kinh doanh, mà CBVC hoặc nhân viên thời vụ đó đã được tiếp cận một cách hợp pháp.
3. Được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp tác nghiên cứu, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh... với các đối tác khác mà trong hợp đồng có qui định TSTT phát sinh thuộc quyền sở hữu của trường Đại học Kinh tế - Luật, trừ khi hợp đồng liên quan có quy định khác.
4. Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng tài trợ. Trong đó, Trường Đại học Kinh tế - Luật là bên tài trợ hoặc bên nhận tài trợ, trừ khi hợp đồng liên quan có quy định khác.
5. Được các cơ quan có thẩm quyền chỉ định, phân cấp hoặc chuyển giao cho trường Đại học Kinh tế - Luật đứng tên sở hữu.
6. Được các chủ thể khác là chủ sở hữu hợp pháp đối với các Tài sản trí tuệ chuyển nhượng hoặc tặng cho Trường Đại học Kinh tế - Luật.
7. Phương thức xác định tỷ lệ sở hữu trong từng trường hợp thuộc Điều 13 sẽ do các bên có liên quan quy định cụ thể bằng văn bản hoặc trong hợp đồng giao kết tương ứng, dựa theo tỷ lệ đóng góp của mỗi bên về nhân lực, vật lực, tài lực hoặc thông tin, trên cơ sở hợp tác bền vững và các bên cùng có lợi.
8. Trong trường hợp một đồng chủ sở hữu với Trường Đại học Kinh tế - Luật có nhu cầu chuyển nhượng phần quyền sở hữu của mình, chủ sở hữu của phần quyền muốn chuyển nhượng đó sẽ ưu tiên chuyển nhượng cho các đồng chủ sở hữu khác theo các điều kiện thương mại hợp lý.

Điều 28. Trường Đại học Kinh tế - Luật không phải là chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu đối với các tài sản trí tuệ sau đây

1. Được tạo ra tại Trường Đại học Kinh tế - Luật bởi CB-VC hoặc nhân viên thời vụ không theo nhiệm vụ được giao, không sử dụng nguồn lực của Trường Đại học Kinh tế - Luật, không xuất phát từ một hoặc một số tài sản trí tuệ thuộc danh mục Thông tin mật hay bí mật kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế - Luật, nhưng có giá trị ứng dụng vào các mặt hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - Luật.
2. Được tạo ra bởi CB-VC tại Trường Đại học Kinh tế - Luật trong quá trình tham gia các hoạt động của đoàn thể nhằm phục vụ các sinh hoạt cộng đồng/hoặc được tạo ra bởi nhân viên thời vụ không theo nhiệm vụ được giao, không sử dụng nguồn lực của Trường Đại học Kinh tế - Luật và không sử dụng thông tin mật hay bí mật kinh doanh của một số TSTT thuộc quyền sở hữu của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

3. Được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng kí kết giữa Trường Đại học Kinh tế - Luật với một hoặc một số đối tác khác, trong đó, có quy định các tài sản trí tuệ phát sinh là thuộc về bên đối tác.
4. Trường Đại học Kinh tế - Luật có chế độ khen thưởng tương xứng đối với mọi CB-VC hoặc nhân viên thời vụ tạo ra các tài sản trí tuệ nêu trên và hướng dẫn, hỗ trợ các tác giả, đồng tác giả trong việc xác lập quyền sở hữu của họ. Trường Đại học Kinh tế - Luật có thể khuyến khích họ chuyển nhượng lại các tài sản trí tuệ đó cho Trường Đại học Kinh tế - Luật theo các điều kiện thương mại hợp lí.

Điều 29. Quyền sở hữu trí tuệ của CB-VC và các chủ thể khác

1. Các tài sản trí tuệ phát sinh trong quá trình giảng dạy, nghiên cứu của CB-VC bao gồm:
 - Các tác phẩm: Luận văn, luận án, khóa luận; các đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu (được Nhà nước, các Bộ, các Sở KH-CN, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh và Trường Đại học Kinh tế - Luật cấp kinh phí thực hiện); báo cáo nghiên cứu khoa học, các bản báo cáo khảo sát thực tiễn cấp Khoa/Bộ môn trực thuộc, cấp Trường Đại học Kinh tế - Luật, cấp Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh; kỷ yếu hội nghị, hội thảo (Khoa/Bộ môn trực thuộc, cấp Trường Đại học Kinh tế - Luật, quốc gia, quốc tế) do Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh xuất bản; Giáo trình, tài liệu tham khảo do Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh xuất bản; Sách điện tử, giáo trình điện tử, bài giảng điện tử do Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh xuất bản.
 - Các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, giống cây trồng và vật liệu nhân giống.
2. Trường Đại học Kinh tế - Luật là đồng sở hữu/không sở hữu đối với các tài sản trí tuệ nêu trên tùy thuộc vào các điều kiện đặt ra ở điều 26, 27, 28.
3. CB-VC sẽ được hưởng quyền nhân thân đối với tài sản trí tuệ mình tạo ra. Tuy nhiên, Trường Đại học Kinh tế - Luật được khai thác các công trình nêu trên nhằm mục đích phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học tại trường.
4. Quy định cụ thể cho các quyền sở hữu đối với các tác phẩm như sau:
 - Trong trường hợp Trường Đại học Kinh tế - Luật hoặc một số chủ thể khác là đồng chủ sở hữu đối với tác phẩm, các đồng chủ sở hữu sẽ cùng thỏa thuận cụ thể về cách thức phân định quyền sở hữu đối với từng loại quyền tài sản cũng như việc tiếp nhận và sử dụng quyền công bố tác phẩm tương ứng do tác giả, đồng tác giả liên quan chuyển giao.
 - Trong trường hợp tài sản trí tuệ do CB-VC hoặc nhân viên thời vụ tạo ra là một tác phẩm phái sinh từ các tác phẩm thuộc sở hữu của Trường Đại học Kinh tế - Luật và không thuộc trường hợp không phải xin phép trước chủ sở hữu tác phẩm gốc theo quy định của pháp luật SHTT; các tác giả và đồng tác giả phải thông báo cho Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc xuất hiện tác phẩm phái sinh này và phải nhận được sự đồng ý của Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh bằng văn bản trước khi công bố và khẳng định quyền sở hữu của họ đối với tác phẩm phái sinh đó.
 - Đối với các bài báo khoa học được xác định thuộc quyền sở hữu của Trường Đại học Kinh tế - Luật, các tác giả và đồng tác giả có thể chủ động đề xuất việc công bố trên



các tạp chí nhưng phải nhận được sự chấp thuận bằng văn bản của Bộ phận khai thác TSTT của Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

- Đối với các bài báo khoa học do CB-VC được phép sử dụng thời gian làm việc tại trường và phương tiện vật chất của trường để soạn thảo thì các tác phẩm này thuộc quyền sở hữu của CB-VC tương ứng. Tuy nhiên, trong các công bố phải ghi rõ địa chỉ công tác là Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

Điều 30. Quyền sở hữu trí tuệ của người học

1. Các tài sản trí tuệ phát sinh trong quá trình học tập, nghiên cứu của người học được thể hiện qua các bài tập, đề án môn học, khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án, sáng chế... đều thuộc về người học. Trừ các trường hợp do giảng viên đầu tư kinh phí để thực hiện ý tưởng nghiên cứu của các giảng viên sẽ xem xét cụ thể. Tuy nhiên, Trường Đại học Kinh tế - Luật được quyền khai thác các tài sản trí tuệ nói trên nhằm mục đích phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học tại trường.
2. Trong trường hợp các tài sản trí tuệ của quá trình học tập, nghiên cứu được tạo ra chủ yếu thông qua việc sử dụng các nguồn lực của Trường Đại học Kinh tế - Luật, hoặc có sự đầu tư của Trường Đại học Kinh tế - Luật về kinh phí, hoặc có sự đầu tư hay hỗ trợ đáng kể của giảng viên, thì Trường Đại học Kinh tế - Luật, giảng viên và người học liên quan sẽ cùng xác định quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ phát sinh bằng văn bản theo Điều 12. Trường hợp do các công ty đầu tư nghiên cứu của người học và có các hợp đồng hay thoả thuận trong khuôn khổ pháp luật, thực hiện theo hợp đồng cụ thể khi có chứng thực của người đại diện pháp luật.

Chương IV

KHAI THÁC VÀ BẢO MẬT CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 31. Khai thác Tài sản Trí tuệ

1. Khai thác Tài sản Trí tuệ là việc tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - Luật đối với các vấn đề liên quan đến tài sản trí tuệ (TSTT) trong các mối quan hệ nội bộ của các trường thành viên, các viện, trung tâm và giữa các nhà nghiên cứu với các bên có liên quan trên tinh thần tuân thủ luật Sở hữu trí tuệ (SHTT). Đồng thời, thông qua quy chế thúc đẩy nhanh chóng việc khai thác các TSTT của các nhà nghiên cứu phục vụ phát triển kinh tế xã hội.
2. Khai thác Tài sản Trí tuệ của Trường Đại học Kinh tế - Luật bao gồm việc xác lập, chuyển giao và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, khai thác các TSTT, phân chia lợi ích do các TSTT mang lại.

Điều 32. Tổ khai thác TSTT

Tổ khai thác TSTT thuộc Bộ phận quản trị tài sản trí tuệ. Các nhà nghiên cứu có TSTT chịu trách nhiệm báo cáo công việc trực tiếp với Bộ phận quản trị tài sản trí tuệ để thống nhất quản lý và chuyển giao. Các quản trị viên hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm tùy theo khối lượng công việc thực tế nảy sinh trong từng giai đoạn.

Điều 33. Nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật

Các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật bao gồm Phòng Quản lý khoa học, Phòng Thanh tra – Pháp chế, Phòng Đào tạo, Phòng Sau Đại học, Thư viện, Trung

tâm NCKTTC, Trung tâm Pháp luật Hoa Kỳ .v.v.v có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ Bộ phận quản trị tài sản trí tuệ trong việc:

1. Phòng chống việc sử dụng không được phép quyền SHTT của các chủ thể khác trong mọi mặt hoạt động thuộc phạm vi quản lý của Trường Đại học Kinh tế - Luật. Trong trường hợp vi phạm, các Đơn vị trực thuộc phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và tự chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh.
2. Quán triệt Quy chế này cùng các quy định có liên quan đến mọi CB-VC, người học và nhân viên thời vụ thuộc phạm vi quản lý của mình.
3. Yêu cầu các CB-VC, người học và nhân viên thời vụ trong phạm vi quản lý của mình tiến hành hoạt động ghi nhận các TSTT mới phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ do Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh giao theo các thủ tục, biểu mẫu đã được ban hành và theo các hướng dẫn liên quan của quản trị viên SHTT.
4. Xúc tiến việc khai thác giá trị của các Tài sản trí tuệ do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo quy định của Quy chế này.

Điều 34. Nhiệm vụ và quyền hạn của CB-VC và nhân viên thời vụ của Trường Đại học Kinh tế - Luật

1. Ghi nhận kịp thời và đầy đủ về các Tài sản trí tuệ mới phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ được giao, theo các thủ tục, biểu mẫu đã được ban hành với sự hướng dẫn của quản trị viên SHTT. Tất cả các bản ghi nhận này được xem là thông tin mật của Trường cho đến khi Bộ phận Quản trị Tài sản trí tuệ thông báo bằng văn bản về việc có thể công bố hoặc tiết lộ.
2. Không sử dụng các quyền SHTT của các chủ thể khác trong hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - Luật nếu chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu. Trong trường hợp vi phạm, CB-VC và nhân viên thời vụ phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và gánh chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh.
3. Tuân thủ các điều kiện, phương thức, thời điểm ... tiết lộ hoặc công bố TSTT mới phát sinh theo thông báo bằng văn bản của Bộ phận khai thác TSTT.
4. Thực hiện việc chuyển nhượng quyền đối với các TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc sở hữu của Trường Đại học Kinh tế - Luật và/hoặc Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh hoặc của các chủ thể khác theo quy định tại Quy chế này và theo các văn bản thỏa thuận.
5. Hỗ trợ bộ phận quản lý TSTT các thông tin, dữ liệu cần thiết nhằm xúc tiến các hồ sơ, thủ tục xác lập quyền và khai thác quyền đối với các TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra và thuộc quyền sở hữu của Trường Đại học Kinh tế - Luật và/hoặc Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh hoặc của chủ thể có liên quan.
6. Tuân thủ các quy tắc bảo mật về TSTT được qui định trong quy chế này.
7. Trong trường hợp muốn công bố sớm kết quả nghiên cứu khoa học có liên quan đến TSTT của Trường Đại học Kinh tế - Luật, các CB-VC và nhân viên thời vụ phải được sự đồng ý của Trường Đại học Kinh tế - Luật và/ hoặc Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
8. Đóng góp ý kiến, giúp bộ phận khai thác TSTT nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác TSTT.

Điều 35. Nhiệm vụ và quyền hạn của người học tại trường Đại học Kinh tế - Luật

1. Sở hữu Tài sản trí tuệ do mình sáng tạo ra, hoặc tham gia sáng tạo ra theo quy định tại Quy chế này trong suốt thời gian theo học tại Trường Đại học Kinh tế - Luật.
2. Không được sử dụng các quyền sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân khác nếu chưa được sự đồng ý của họ. Trong trường hợp vi phạm, người học phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và gánh chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh.
3. Thực hiện việc chuyển nhượng quyền đối với các Tài sản trí tuệ do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc sở hữu của Trường hoặc của các tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại Quy chế này.
4. Hỗ trợ Bộ phận Quản trị Tài sản trí tuệ mô tả các thông tin, dữ liệu cần thiết nhằm xúc tiến các hồ sơ, thủ tục xác lập và khai thác quyền đối với Tài sản trí tuệ do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc quyền sở hữu của Trường hoặc của chủ thể khác có liên quan.
5. Tuân thủ các quy tắc bảo mật về Tài sản trí tuệ được quy định trong quy chế này.
6. Trong trường hợp muốn công bố sớm kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến Tài sản trí tuệ của Trường ĐH KTL phải được sự đồng ý bằng văn bản của nhà Trường.

Điều 36. Các quy tắc bảo mật TSTT

1. Khi có TSTT mới được tạo lập, nhận diện, CB-VC và nhân viên thời vụ liên quan tiến hành đánh dấu lên tài liệu bằng ký hiệu “THÔNG TIN MẬT” màu đỏ, đặt ở góc trên, bên phải của tài liệu. Tất cả các tài liệu này phải được lưu trong tập hồ sơ có đánh dấu “THÔNG TIN MẬT”.
2. Những tài liệu đã được xử lý và xác nhận là thông tin mật của Trường Đại học Kinh tế - Luật, Bộ phận khai thác TSTT sẽ đóng dấu “MẬT” màu đỏ, đặt ở góc trên, bên phải của tài liệu.
3. Những thông tin mật của Trường Đại học Kinh tế - Luật sẽ được đặt tại tủ hồ sơ của Trường hoặc lưu trữ trên trang mạng đặt tên là “THÔNG TIN MẬT_tên tập tin”.

Chương V

CƠ CHẾ KHAI THÁC VÀ PHÂN BỐ LỢI ÍCH TỪ CÁC TSTT

Điều 37. Các hình thức khai thác TSTT

Việc khai thác TSTT bao gồm nhưng không giới hạn ở các hình thức:

- Công bố TSTT dưới mọi hình thức.
- Phân phối các tác phẩm thuộc sở hữu của trường và các tác phẩm được quyền phân phối dưới mọi hình thức.
- Chuyển nhượng quyền TSTT cho chủ thể khác.
- Áp dụng, khai thác TSTT trong quy trình tác nghiệp, kinh doanh, sản xuất của Trường Đại học Kinh tế - Luật và/ hoặc Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Sử dụng quyền SHTT để góp vốn, liên doanh, liên kết.
- Chuyển giao công nghệ.
- Chuyển nhượng, cho, tặng.
- Các hình thức khai thác TSTT khác theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Nhãn hiệu của Trường Đại học Kinh tế - Luật

1. Nhãn hiệu của Trường Đại học Kinh tế - Luật bao gồm dòng chữ “Trường Đại học Kinh tế - Luật”, tên viết tắt “UEL”, biểu tượng, khẩu hiệu, thiết kế, màu sắc, kích cỡ .v.v.v để nhận diện, định danh Trường thuộc quyền sở hữu của Trường Đại học Kinh tế - Luật.
2. Các đơn vị, tổ chức thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật được quyền sử dụng nhãn hiệu của Trường, bao gồm biểu tượng, khẩu hiệu của Trường hoặc sử dụng riêng biểu tượng, khẩu hiệu của Trường để thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao.
3. Cán bộ - viên chức của Trường được phép sử dụng biểu tượng, khẩu hiệu của Trường khi in danh thiếp phục vụ cho hoạt động giao dịch với tư cách là CBVC của trường.
4. Các đơn vị liên kết được quyền sử dụng nhãn hiệu, bao gồm biểu tượng, khẩu hiệu của Trường Đại học Kinh tế - Luật hoặc biểu tượng, khẩu hiệu của Nhà Trường trong các biển hiệu, băng rôn, tờ rơi v.v.v nhằm giới thiệu, quảng cáo cho các hoạt động đào tạo có liên kết với Trường Đại học Kinh tế - Luật.
5. Ngoài các trường hợp nêu trên, các cá nhân, tổ chức khác không được sử dụng biểu tượng, khẩu hiệu của Trường Đại học Kinh tế - Luật với bất kỳ hình thức, lý do nào khi chưa được Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật đồng ý bằng văn bản.

Điều 39. Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến các hoạt động của Thư viện trường Đại học Kinh tế - Luật

1. Mọi hoạt động của Thư viện phải đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
2. Đối với các tác phẩm thuộc quyền sở hữu của Trường Đại học Kinh tế - Luật, Thư viện được phép khai thác theo đúng chức năng, nhiệm vụ được Nhà trường giao và theo pháp luật hiện hành.
3. Đối với các Luận án, luận văn, khóa luận, tiểu luận tốt nghiệp thuộc quyền sở hữu của người học thuộc các hệ đào tạo của Nhà trường, các ấn phẩm đã đăng tải trên Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ: Kinh tế, Luật và Quản lý của Nhà trường, các bài tham luận hội thảo, kỷ yếu hội thảo do Nhà trường tổ chức/ đồng tổ chức, Thư viện được toàn quyền lưu trữ kể cả dưới hình thức số hóa và khai thác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy định của Thư viện.
4. Trong quá trình khai thác và sử dụng nguồn tài liệu của Thư viện, các cá nhân, tổ chức sẽ tự chịu trách nhiệm cho các hành vi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ và thư viện.

Điều 40. Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hoạt động của Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ: Kinh tế, Luật và Quản lý

1. Hoạt động của Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ: Kinh tế, Luật và Quản lý phải đảm bảo tuân thủ các qui định pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
2. Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ: Kinh tế, Luật và Quản lý có quyền công bố, sao chép, lưu trữ, phân phối các tác phẩm đã được đăng tải trong Tạp chí; truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác.
3. Các tác giả khi gửi bài viết đến Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ: Kinh tế, Luật và Quản lý phải cam kết tác phẩm do chính tác giả sáng tạo, không sao chép của người khác.

4. Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ: Kinh tế, Luật và Quản lý không chịu trách nhiệm đối với các bài báo khoa học được đăng trên Tạp chí về các khiếu nại, tranh chấp liên quan đến vấn đề về quyền tác giả của tác phẩm được đăng tải trên Tạp chí.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ về khai thác TSTT của CB-VC và nhân viên thời vụ

1. Có quyền tiếp cận, sử dụng các TSTT của Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và khi thực hiện nhiệm vụ được giao của Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
2. Có các quyền nhân thân theo pháp luật sở hữu trí tuệ.
3. Có quyền được hưởng các lợi ích như tiền thù lao, nhuận bút và các lợi ích khác một cách phù hợp từ việc khai thác TSTT của Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh mà mình là tác giả hoặc đồng tác giả. Tùy theo từng trường hợp mà có thỏa thuận riêng với Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
4. Trong trường hợp tài sản trí tuệ do CB-VC hoặc nhân viên thời vụ tạo ra là một sáng chế cho Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, việc sử dụng và khai thác sáng chế phụ thuộc phải nhận được sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
5. Vẫn được giữ quyền nhân thân đối với các tác phẩm, sáng chế của mình khi không còn công tác tại Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
6. Trong trường hợp tài sản trí tuệ do CB-VC hoặc Nhân viên thời vụ tạo ra là một phái sinh từ các tác phẩm thuộc sở hữu của Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh và không thuộc trường hợp không phải xin phép trước chủ sở hữu tác phẩm gốc theo quy định của pháp luật SHTT; các tác giả và đồng tác giả phải thông báo cho Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh về việc xuất hiện tác phẩm phái sinh này và phải nhận được sự đồng ý của Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh bằng văn bản trước khi công bố và khẳng định quyền sở hữu của họ đối với tác phẩm phái sinh đó.
7. Đối với các bài báo khoa học được xác định thuộc quyền sở hữu của Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, các tác giả và đồng tác giả có thể chủ động đề xuất việc công bố trên các tạp chí nhưng phải ghi rõ địa chỉ công tác là Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh trong tác phẩm của mình. Tuyệt đối không được tiết lộ, chuyển giao các TSTT của Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
8. Sau khi chính thức nghỉ việc tại Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, CB-VC và nhân viên thời vụ không còn được hưởng thù lao từ các TSTT do Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh sở hữu hoặc đồng sở hữu; trong đó CB-VC hoặc nhân viên thời vụ là tác giả/đồng tác giả trừ khi giữa Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh với chủ thể liên quan hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của người học trong khai thác tài sản trí tuệ thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật

1. Có quyền sử dụng các tài sản trí tuệ của trường trong học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Không được sử dụng tài liệu photocopy vi phạm quyền tác giả trong quá trình học tập tại Trường, có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật sở hữu trí tuệ.
3. Phải tuân thủ các quy định của Trường Đại học Kinh tế - Luật về chống đạo văn, về trích dẫn trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học.
4. Trong trường hợp vi phạm Quy định này và các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ, người học sẽ bị xử lý theo quy định của Nhà trường và pháp luật sở hữu trí tuệ.

Điều 43. Chuyển giao TSTT giữa Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đơn vị trực thuộc với CB-VC và nhân viên thời vụ

1. Trong trường hợp Trường Đại học Kinh tế - Luật thông báo không xác lập hoặc từ bỏ quyền sở hữu của Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh đối với một TSTT do CB-VC, nhân viên thời vụ thuộc đơn vị trực thuộc tạo ra, các đơn vị trực thuộc hoặc CB-VC, nhân viên thời vụ có thể yêu cầu Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh chuyển nhượng miễn phí lại TSTT đó cho mình.
2. Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh có thể yêu cầu CB-VC, nhân viên thời vụ chuyển nhượng TSTT cho đơn vị trực thuộc hoặc CB-VC/nhân viên thời vụ với điều kiện thương mại hợp lý.
3. Các đơn vị trực thuộc hoặc CB-VC, nhân viên thời vụ đồng ý cấp phép sử dụng không độc quyền và vô thời hạn các TSTT vào mục đích nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực tại Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
4. Các đơn vị trực thuộc hoặc CB-VC, nhân viên thời vụ đang làm việc tại Trường Đại học Kinh tế - Luật không chuyển giao các TSTT cho đối tác thứ ba ngoài Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh nếu việc chuyển giao đó có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh; trừ khi có sự thỏa thuận bằng văn bản với Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh hoặc pháp luật liên quan có qui định khác.

Điều 44. Hoạt động xúc tiến thương mại các TSTT của Bộ phận Khai thác TSTT

1. Bộ phận Khai thác TSTT có trách nhiệm chủ động phối hợp với Bộ phận Khai thác TSTT của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh trong việc xúc tiến thương mại các TSTT thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường Đại học Kinh tế - Luật.
2. Bộ phận Khai thác TSTT tham mưu cho Hiệu trưởng và trưởng các đơn vị trực thuộc ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng văn bằng, hợp đồng góp vốn, hợp đồng liên doanh/liên kết bằng TSTT, hợp đồng hợp tác nghiên cứu để tạo lập TSTT mới.

Điều 45. Phân bổ thu nhập và lợi ích từ việc khai thác thương mại các TSTT

1. Lợi nhuận thu được từ hoạt động khai thác thương mại các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của ĐHQG HCM sau khi đã trừ các chi phí khác (nếu có) như đăng ký bản quyền, tìm kiếm đối tác ký kết hợp đồng chuyển giao . . . được phân bổ cho các bên liên quan như sau:

- a) Trả thù lao cho tác giả và đồng tác giả: tối đa không quá 30%.
- b) Tổ chức, cá nhân môi giới: tối đa không quá 10%.
- c) Trường Đại học Kinh tế - Luật.
- d) Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
2. Sau khi trừ đi các khoản thù lao phải trả cho tác giả, đồng tác giả, tổ chức, cá nhân môi giới nêu tại điểm a và b thuộc khoản 1 Điều này, phần lợi nhuận còn lại sẽ được phân chia giữa ĐHQG HCM và Trường Đại học Kinh tế - Luật như sau:
- a) Đối với TSTT được tạo lập từ đề tài sử dụng kinh phí cấp qua ĐHQG HCM, do ĐHQG HCM trực tiếp tổ chức thẩm định và quản lý hoặc ủy quyền cho Trường Đại học Kinh tế - Luật chủ trì đề tài chịu trách nhiệm quản lý (tạm gọi là Đề tài ĐHQG HCM loại A): ĐHQG HCM hưởng 60%, Trường Đại học Kinh tế - Luật hưởng 40%.
- b) Đối với TSTT được tạo lập từ đề tài sử dụng kinh phí cấp qua ĐHQG HCM, do ĐHQG HCM tổ chức thẩm định và ủy quyền cho Trường Đại học Kinh tế - Luật chủ trì đề tài chịu trách nhiệm quản lý (tạm gọi là Đề tài ĐHQG HCM loại B): ĐHQG HCM hưởng 50%, Trường Đại học Kinh tế - Luật hưởng 50%.
- c) Đối với TSTT được tạo lập từ đề tài sử dụng kinh phí cấp qua ĐHQG HCM, do ĐHQG HCM ủy quyền cho Trường Đại học Kinh tế - Luật chủ trì đề tài chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định và quản lý (tạm gọi là Đề tài ĐHQG HCM loại C): ĐHQG HCM hưởng 30%, Trường Đại học Kinh tế - Luật hưởng 70%.
- d) Đối với TSTT được tạo lập từ đề tài sử dụng kinh phí cấp từ nguồn kinh phí tự chủ của Trường Đại học Kinh tế - Luật và một phần từ nguồn kinh phí của ĐHQG HCM, do Trường Đại học Kinh tế - Luật chủ trì đề tài chịu trách nhiệm quản lý (tạm gọi là Đề tài cấp cơ sở): Trường Đại học Kinh tế - Luật hưởng 100%.
3. Phân chia thu nhập từ những tài sản trí tuệ là sản phẩm của những đề tài, dự án sử dụng kinh phí cấp từ nguồn kinh phí tự chủ của Trường Đại học Kinh tế - Luật và nhận tài trợ từ các đối tác khác:
- Sau khi đã trừ các chi phí khác (nếu có) như đăng ký bản quyền, tìm kiếm đối tác ký kết hợp đồng chuyển giao, phân chia lợi nhuận cho cơ quan cấp kinh phí (theo tỉ lệ đã thỏa thuận trong qui định hoặc hợp đồng ...), việc hưởng thu nhập và lợi ích từ việc khai thác các TSTT được tính như sau:
- a) Lợi nhuận từ các hợp đồng chuyển giao công nghệ:
- Tác giả/đồng tác giả: được hưởng 60%.
 - Trường Đại học Kinh tế - Luật: được hưởng 40%.
- b) Lợi nhuận từ việc thương mại hóa các sản phẩm do Trường Đại học Kinh tế - Luật sản xuất (trong 10 năm):
- Tác giả/đồng tác giả: được hưởng 40%.
 - Trường Đại học Kinh tế - Luật: được hưởng 60%.
4. Thù lao cho tác giả, đồng tác giả nêu tại khoản 1 và khoản 3 Điều này được chia đều cho các đồng tác giả, trừ trường hợp các đồng tác giả có thỏa thuận khác và được chi trả trong suốt thời gian bảo hộ của các TSTT là quyền sở hữu trí tuệ hoặc theo thỏa thuận đối với các TSTT khác, trừ trường hợp TSTT đó được chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác.

THANH
RƯỜNG
ĐẠI HỌC
KINH TẾ -
LUẬT

5. Đối với các TSTT tạo ra từ hợp tác nghiên cứu, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh có nhiều chủ sở hữu, thu nhập hoặc lợi nhuận phát sinh sẽ được phân chia dựa theo tỷ lệ sở hữu của mỗi đồng sở hữu, trừ khi giữa các bên có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các bên có liên quan.
6. Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật quyết định việc trích chuyển một phần nguồn thu nêu tại điểm c, khoản 1 Điều này phục vụ cho công tác quản lý, xúc tiến khai thác thương mại tài sản trí tuệ.

Điều 46. Kiểm soát các xung đột lợi ích

1. Hiệu trưởng qui định cụ thể về việc kiểm soát các xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa:
 - a) Mục tiêu học thuật và mục tiêu tài chính liên quan đến hoạt động khai thác thương mại tài sản trí tuệ.
 - b) Mục tiêu học thuật và mục tiêu phục vụ cộng đồng.
 - c) Lợi ích của Trường và lợi ích của tác giả, đồng tác giả trong các giao dịch li-xăng hoặc chuyển nhượng quyền.
 - d) Xung đột lợi ích liên quan khác.
2. Các cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Trường Đại học Kinh tế - Luật có trách nhiệm thông báo kịp thời cho bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ các xung đột lợi ích phát sinh được cho là có khả năng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích vật chất và phi vật chất của Trường.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 47. Trách nhiệm của Trường Đại học Kinh tế - Luật

Hiệu trưởng có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện hoạt động sở hữu trí tuệ trong Nhà trường với các nội dung chính như sau:

1. Chỉ đạo xây dựng chiến lược, chính sách và kế hoạch phát triển tài sản trí tuệ dài hạn, trung hạn và hàng năm phù hợp với chiến lược phát triển tài sản trí tuệ của ĐHQG HCM và thế mạnh của Trường.
2. Xây dựng và ký ban hành qui định quản trị tài sản trí tuệ, qui định bảo mật và các văn bản liên quan khác.
3. Thành lập bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ của Nhà trường.
4. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Qui định quản trị tài sản trí tuệ của Trường, Qui chế quản trị tài sản trí tuệ trong ĐHQG HCM và pháp luật SHTT của nhà nước.
5. Xây dựng chính sách khen thưởng, phân phối phần nguồn thu thuộc thẩm quyền của mình từ hoạt động khai thác thương mại nhằm khuyến khích, thúc đẩy hoạt động tạo lập và khai thác thương mại các tài sản trí tuệ.
6. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về sở hữu trí tuệ cho các đơn vị, cá nhân thuộc trường nhằm nâng cao hiệu quả quản trị tài sản trí tuệ.
7. Xây dựng tổ chức ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp hỗ trợ hoạt động khai thác thương mại các tài sản trí tuệ.
8. Xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh hoạt động tạo lập và khai thác thương mại đối với các tài sản trí tuệ trong Trường.

9. Xây dựng văn hóa, phổ biến và cập nhật kiến thức về SHTT cho các tổ chức, cá nhân thuộc Trường.
10. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và các bộ phận liên quan phối hợp chặt chẽ với bộ phận chuyên trách thực hiện kế hoạch hoạt động sở hữu trí tuệ hàng năm của Nhà trường.
11. Quy định tỷ lệ phân chia lợi ích thu được do khai thác thương mại tài sản trí tuệ của Nhà trường và không trái với các quy định của pháp luật.
12. Quy định và giám sát việc chuyển giao quyền đăng ký, quyền khai thác thương mại tài sản trí tuệ của Nhà trường.

Điều 48. Thanh tra, kiểm tra hoạt động quản trị tài sản trí tuệ

1. Định kỳ hàng năm, bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ chuẩn bị hồ sơ để báo cáo hoạt động quản trị tài sản trí tuệ tại Trường bao gồm các nội dung sau:
 - a) Xây dựng chiến lược phát triển tài sản trí tuệ.
 - b) Tuân thủ quy định quản trị tài sản trí tuệ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật, Quy chế quản trị tài sản trí tuệ trong ĐHQG HCM và pháp luật SHTT của nhà nước.
 - c) Tổ chức và hoạt động của bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ.
 - d) Hoạt động thông báo, ghi nhận và xác lập quyền.
 - e) Quản lý, khai thác thương mại các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu, đồng sở hữu, quyền sử dụng của Trường.
 - f) Quản lý tài chính đối với hoạt động quản trị tài sản trí tuệ.
 - g) Giải quyết tranh chấp, khen thưởng và xử lý vi phạm.
 - h) Các hoạt động liên quan khác.
2. Hiệu trưởng tổ chức thanh tra nội bộ để giải quyết các khiếu nại, tố cáo về các sai phạm liên quan đến thực thi Quy định quản trị tài sản trí tuệ của Trường Đại học Kinh tế - Luật, của ĐHQG HCM và pháp luật SHTT của nhà nước.

Điều 49. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy định về quản trị tài sản trí tuệ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật sẽ được khen thưởng theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định về quản trị tài sản trí tuệ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật sẽ tùy theo tính chất và mức độ có thể bị xử lý kỷ luật hoặc chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.
3. Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật qui định cụ thể chính sách khen thưởng và xử lý vi phạm trong trường trên cơ sở tuân thủ chính sách khen thưởng và xử lý vi phạm của ĐHQG HCM.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 50. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế các quy định khác có liên quan đã được ban hành ở Trường Đại học Kinh tế - Luật.
2. Mọi CB-VC, nhân viên thời vụ của Trường Đại học Kinh tế - Luật phải được biết về các quy định liên quan đến mình trong Quy định này trước khi ký hợp đồng, thỏa thuận, hợp tác với Trường Đại học Kinh tế - Luật và/ hoặc Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

3. Bộ phận Khai thác TSTT có trách nhiệm triển khai phương án tập hợp và ghi nhận lại tất cả các TSTT thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường Đại học Kinh tế - Luật đã hình thành từ trước ngày Quy định có hiệu lực.
4. Các tranh chấp về SHTT trong nội bộ được ưu tiên xử lý theo tinh thần thỏa thuận, hòa giải. Nếu chưa được giải quyết được sẽ áp dụng theo các trình tự, thủ tục pháp lý có liên quan hiện hành.

Điều 51. Sửa đổi bổ sung

Trong quá trình thực hiện, Quy định sẽ được xem xét, sửa đổi và bổ sung cho phù hợp thực tiễn quản trị SHTT của Trường Đại học Kinh tế - Luật theo đề nghị của Phòng Quản lý khoa học hoặc theo sự thay đổi của Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của ĐHQG HCM hoặc pháp luật SHTT của nhà nước.



Nguyễn Tiến Dũng

CHỖ HỌ CHỮ